

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/DS-ST Ngày 02/6/ 2020	
“V/v: Kiện đòi tài sản”.	

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ - TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Bình Luyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lã Ngọc Tường
2. Ông Vũ Văn Chuyển

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Hoàng Hà - Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh PT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT, tỉnh PT, tham gia phiên toà: Bà Trần Khánh Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh PT, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **20/2020/TLST-DS**, ngày 10 tháng 3 năm 2020, về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2020/QĐXXST-DS ngày 15/5/2020, giữa:

1. Nguyên đơn: - Ông **Nguyễn Tiến T**, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Tổ 15B, khu 7, phường GC, TP.VT, tỉnh PT.

- Và bà **Lương Thị Thanh K**, sinh năm 1959;

(Ông T và bà K là vợ chồng);

Địa chỉ: Đội 10, xã TV, TP.VT, tỉnh PT.

- Người đại diện hợp pháp cho bà K:

Ông **Nguyễn Tiến T**, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Tổ 15B, khu 7, phường GC, TP.VT, tỉnh PT;

(Ông T là đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 03/3/2020).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Ông: **Lê Hữu L**, sinh năm 1958; Là Luật sư, Công ty luật Hợp Danh Hùng Vương PT, thuộc đoàn luật sư tỉnh PT.

2. Bị đơn: - Chị **Lương Thị Thanh H**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Đội 10, xã TV, TP.VT, tỉnh PT.

- Và anh **Dương Đức P**, sinh năm 1965;

(Anh P có tên gọi khác là: Kỳ);

Địa chỉ: khu 14, Trảng Đông, phường TM, TP.VT, PT.

(Ông T, ông Lê, chị H, anh P có mặt).

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn là vợ chồng ông Nguyễn Tiến T, bà Lương Thị Thanh K trình bày:

Ông Nguyễn Tiến T và bà Lương Thị Thanh K là vợ chồng; Bà K là cô ruột của chị Lương Thị Thanh H. Trong thời gian giữa chị Lương Thị Thanh H và anh Dương Đức P là vợ chồng, thì vào ngày 07/3/2016, chị H, anh P có vay của vợ chồng ông T, bà K số tiền là: 500.000.000đ; khi vay chị H trực tiếp viết giấy nhận nợ và chị H, anh P đều ký vào giấy nhận nợ; mục đích vay là mua nhà, phương thức vay là trả lãi theo tháng vay theo Ngân hàng, thời gian vay trả gốc là 03 năm. Trong Giấy nhận nợ chị H viết ngày 07/3/2016 vay tiền, nhưng cuối giấy nhận nợ chị H ghi ngày ký là ngày 07/1/2016, ông T cho rằng ngày 07/3/2016 mới đúng là ngày vay, ngày 07/1/2016 là do chị H ghi nhầm. Đến ngày 18/9/2017, anh P trả cho vợ chồng ông T số tiền gốc là 100.000.000,đồng; Tiếp đến ngày 19/9/2017, anh P trả tiếp cho vợ chồng ông T số tiền gốc là 90.000.000,đồng. Hai lần anh P trả tiền đều ghi giấy nhận tiền do anh P và ông T lập. Nhưng kể từ đó cho đến nay chị H, anh P không trả nữa mặc dù vợ chồng ông T đã nhiều lần đòi. Nay vợ chồng ông T khởi kiện yêu cầu chị H và anh P cùng phải có trách nhiệm trả ngay một lần số tiền gốc còn nợ là: 310.000.000,đồng và lãi suất tiền vay theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa hôm nay ông T chỉ đề nghị tính lãi từ tháng 9/2017 đến nay, làm tròn là 30 tháng; với mức 10%/1 năm, làm tròn là 0,8% /tháng, với số tiền lãi làm tròn là: 74.000.000,đồng; Tổng cộng gốc và lãi là: 384.000.000,đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn không bổ sung thêm nội dung gì và đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện cho nguyên đơn.

Bị đơn là chị Lương Thị Thanh H và anh Dương Đức P đều trình bày như sau:

Chị Lương Thị Thanh H và anh Dương Đức P đều thừa nhận về mối quan hệ gia đình như vợ chồng ông T trình bày nêu trên là hoàn toàn đúng;

Trong thời gian giữa chị Lương Thị Thanh H và anh Dương Đức P còn là vợ chồng thì vào ngày 07/3/2016, chị H và anh P có vay của vợ chồng ông T, bà K số tiền là: 500.000.000đ; khi vay chị H là người trực tiếp viết giấy nhận nợ và cả hai người đều ký vào giấy nhận nợ; mục đích vay là mua nhà, phương thức vay là trả lãi theo Ngân hàng, thời gian vay trả gốc là 03 năm. Chị H và anh P đều thừa nhận ngày 07/01/2016 chính là ngày vay tiền, còn trong giấy nhận nợ ghi ngày 07/3/2016 là do chị H viết nhầm. Đến ngày 18/9/2017, anh P trả cho vợ chồng ông T số tiền gốc là 100.000.000,đồng; Tiếp đến ngày 19/9/2017, anh P trả tiếp cho vợ chồng ông T số tiền gốc là 90.000.000,đồng. Hai lần anh P trả tiền cho ông T đều ghi tên là Kỳ trong giấy nhận tiền. Kể từ đó đến nay chị H và anh P chưa trả được cho vợ chồng ông T một đồng nào cả. Nhưng khi ly hôn vào tháng 7/2019 giữa chị H và anh P đã tự thỏa thuận với nhau về khoản nợ của vợ chồng ông T, bà K là do chị H đứng ra trả toàn bộ nợ gốc còn là 310.000.000,đồng và lãi suất cho đến khi chị H trả nợ xong, anh P không có trách nhiệm trả nợ cho vợ

chồng ông T, bà K. Thỏa thuận giữa chị H và anh P là thỏa thuận riêng, hai bên lúc đó không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề này khi ly hôn.

Nay vợ chồng ông T, bà K yêu cầu chị H và anh P cùng phải có trách nhiệm trả nợ như đề nghị nêu trên thì anh P không nhất trí, mà cho rằng chỉ chị H đứng ra trả nợ như đã cam kết nêu trên. Khi hòa giải tại Tòa án phía chị H nhất trí một mình chị đứng ra trả khoản nợ cho vợ chồng ông T và đưa ra phương án trả nợ là: chị H chỉ nhất trí trả cho ông T, bà K toàn bộ số nợ gốc 310.000.000đ trong vòng 10 tháng; 05 tháng đầu trả 150.000.000,đồng, 05 tháng sau trả nốt số tiền gốc là 160.000.000,đồng; còn lãi suất chị H nhất trí trả theo mức lãi suất tiền gửi theo quy định của Ngân hàng. Nhưng tại phiên tòa hôm nay chị H không nhất trí trả toàn bộ số tiền vay nữa, mà chị đề nghị cả hai người cùng phải có trách nhiệm trả khoản nợ trên cho vợ chồng ông T, vì anh P vi phạm cam kết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.VT phát biểu về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa cũng như những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận đơn khởi kiện của vợ chồng ông T là buộc chị H và anh P cùng phải có trách nhiệm trả khoản tiền vay còn nợ gốc là: 310.000.000 đồng; và 74.000.000 đồng tiền lãi, kỷ phần của chị H là 155.000.000 đồng tiền nợ gốc và 37.000.000 đồng tiền lãi, kỷ phần của anh P là 155.000.000 đồng tiền nợ gốc và 37.000.000 đồng tiền lãi. Về án phí buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, luật sư và quan điểm của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn đều có địa chỉ tại thành phố VT, tỉnh PT. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh PT.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định: Ngày 07/3/2016, chị Lương Thị Thanh H và anh Dương Đức P có vay của vợ chồng ông Nguyễn Tiến T, bà Lương Thị Thanh K số tiền là: 500.000.000đ; khi vay chị H là người trực tiếp viết giấy nhận nợ và chị H, anh P đều ký vào giấy nhận nợ; mục đích vay là mua nhà, phương thức vay là trả lãi theo tháng vay theo Ngân hàng, thời gian vay trả gốc là 03 năm. Trong Giấy nhận nợ chị H viết ngày 07/3/2016 vay tiền, nhưng cuối giấy nhận nợ chị H ghi ngày ký là ngày 07/1/2016, nay các bên đều thông nhất cho rằng ngày 07/3/2016 mới đúng là ngày vay, ngày 07/1/2016 là do chị H ghi nhầm. Vì vậy, có thể xác định ngày 07/3/2016 là ngày giao dịch dân sự giữa các bên được ký kết. Đến ngày 18/9/2017, anh P trả cho vợ chồng ông T số

tiền gốc là 100.000.000,đồng; Tiếp đến ngày 19/9/2017, anh P trả tiếp cho vợ chồng ông T số tiền gốc là 90.000.000,đồng. Như vậy, kể từ ngày 19/9/2017, chị H, anh P còn nợ vợ chồng ông T số tiền gốc là: 310.000.000đ và tiền lãi. Kể từ đó đến nay cũng chưa trả được cho vợ chồng ông T số tiền gốc và lãi nào cả.

Hội đồng xét xử xác định, giao dịch dân sự giữa vợ chồng ông T với chị H, anh P ngày 07/03/2016, là quan hệ pháp luật vay tài sản có kỳ hạn và có lãi, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự. Kể từ khi xác lập giao dịch dân sự các bên tham gia đã phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự do pháp luật quy định. Vợ chồng ông T đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình như cam kết là cho chị H, anh P vay tiền; còn chị H, anh P không thực hiện đúng nghĩa vụ như đã cam kết với vợ chồng ông T, vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên vợ chồng ông T khởi kiện là có căn cứ pháp luật; Do chị H, anh P vi phạm nghĩa vụ thời hạn thanh T trả nợ, nên vợ chồng ông T đề nghị chị H và anh P phải trả số tiền nợ gốc và tiền lãi là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp pháp luật.

Về việc tính lãi suất: Phía chị H chỉ nhất trí trả lãi theo lãi suất tiền gửi, còn vợ chồng ông T đề nghị trả lãi theo lãi suất tiền vay; Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định: *“1. .. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...”*. Mặt khác, theo nội dung trong giấy nhận nợ hai bên cam kết: *“...Phương thức vay là trả lãi ông bà theo tháng vay theo ngân hàng...”*. Như vậy, đề nghị của vợ chồng ông T tính theo lãi suất tiền vay là có căn cứ, được chấp nhận.

Đối với việc tính mức lãi suất: Tại phiên tòa hôm nay phía ông T chỉ đề nghị tính lãi từ tháng 9/2017 đến nay, làm tròn là 30 tháng; với mức lãi suất là 0,8%/1 tháng, thành tiền lãi làm tròn là 74.000.000đ; Xét đề nghị của ông T thấy rằng: Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định: *“...2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.* Như vậy, mức lãi suất như đề nghị trên của ông T là hoàn toàn phù hợp pháp luật và dựa trên cơ sở tự nguyện do vậy cần chấp nhận.

Xét đề nghị của anh P thấy rằng; đây là thỏa thuận riêng giữa anh P và chị H, không có liên quan gì đến vợ chồng ông T; mặt khác, phía vợ chồng ông T và chị H không chấp nhận thỏa thuận này, nên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận giải quyết trong vụ án này; nếu có căn cứ sẽ được tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo thủ tục chung nếu các bên có yêu cầu.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc chị H, anh T cùng phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông T, bà K khoản tiền vay còn nợ như sau:

- Gốc: 310.000.000đ;
- Lãi suất: 74.000.000đ;

Tổng cộng gốc và lãi là: 384.000.000đ là hoàn toàn phù hợp pháp luật.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp pháp luật, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 463, 466, 468, 470 và Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Tiến T, bà Lương Thị Thanh K;

Buộc chị Lương Thị Thanh H và anh Dương Đức P cùng phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Nguyễn Tiến T, bà Lương Thị Thanh K số tiền vay còn nợ, cụ thể như sau:

- Gốc: 310.000.000 đồng;

- Lãi suất: 74.000.000 đồng;

Tổng cộng gốc và lãi là: 384.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi bốn triệu đồng).

Kỷ phần của chị H phải trả ông Nguyễn Tiến T, bà Lương Thị Thanh K là 192.000.000 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu đồng); kỷ phần của anh P phải trả cho ông Nguyễn Tiến T, bà Lương Thị Thanh K 192.000.000 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, nếu chị H, anh P không thanh T, mà vợ chồng ông T có đơn đề nghị thi hành án, thì còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

* Về án phí: Buộc chị Lương Thị Thanh H phải chịu 9.600.000 đồng (Chín triệu, sáu trăm nghìn đồng), án phí dân sự sơ thẩm. Anh Dương Đức P phải chịu 9.600.000 đồng (Chín triệu, sáu trăm nghìn đồng), án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND TP.VT, tỉnh;
- Chi cục THADS TP.VT;
- Luật sư;
- Các Đương sự;
- Lưu HS, AV.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bình Luyện